

## BIỂU PHÍ PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ

(Hiệu lực áp dụng từ ngày 01/01/2026)

### I. Thẻ ghi nợ:

STT	Loại phí	Mức phí (VNĐ)			
		Thẻ ghi nợ nội địa (VTOP)	Mastercard Business Debit	Visa Platinum Debit	Các thẻ còn lại
1	Phí phát hành				
1.1	Phí phát hành thường (thẻ CHIP) (*)	70,000/lần/thẻ	Miễn phí		
1.2	Phí phát hành nhanh				
	- Thẻ chính	100,000/lần/thẻ	200,000/lần/thẻ	250,000/lần/thẻ	200,000/lần/thẻ
	- Thẻ phụ	50,000/lần/thẻ		200,000/lần/thẻ	150,000/lần/thẻ
2	Phí thường niên				
	- Thẻ chính	Miễn phí	300,000/năm/thẻ	200,000/năm/thẻ	
	- Thẻ phụ			100,000/năm/thẻ	
3	Phí thay thẻ (cấp lại) thẻ				
3.1	Phí thay thẻ (cấp lại) thẻ thông thường				
	- Phí thay thẻ thẻ theo yêu cầu (không bao gồm trường hợp thay thẻ khi thẻ thất lạc, mất cắp)	50,000/thẻ/lần	100,000/thẻ/lần		
	- Phí thay thẻ thẻ (thất lạc hoặc mất cắp)		200,000/thẻ/lần		
3.2	Phí thay thẻ (cấp lại) thẻ nhanh	Áp dụng theo phí phát hành nhanh tại Mục 1			
4	Phí cấp lại số PIN/Epin	Miễn phí			
5	Phí khiếu nại (nếu chủ thẻ sai)	50,000/giao dịch	100,000/giao dịch		
6	Phí dịch vụ SMS Alert	Không áp dụng	33,000/1 quý/1 thẻ/1 số thuê bao		
7	Phí giao dịch tại ATM				

STT	Loại phí	Mức phí (VNĐ)			
		Thẻ ghi nợ nội địa (VTOP)	Mastercard Business Debit	Visa Platinum Debit	Các thẻ còn lại
7.1	Trong hệ thống Eximbank				
	- Phí truy vấn số dư, in sao kê	Miễn phí		Miễn phí	
	- Phí rút tiền mặt	1,100/giao dịch.		Miễn phí	
	- Phí chuyển khoản	2,200/giao dịch		Không áp dụng	
7.2	Ngoài hệ thống Eximbank				
	- Phí truy vấn số dư, in sao kê	550 VNĐ/giao dịch		Miễn phí	
	- Phí rút tiền mặt				
	• Trong nước	3,300/giao dịch	5,000/giao dịch		
	• Tại nước ngoài	Không áp dụng	4%/số tiền giao dịch, tối thiểu 50,000/giao dịch		
	- Phí chuyển khoản	0.011% x Số tiền giao dịch. Tối thiểu: 1,650/giao dịch - Tối đa: 16,500/giao dịch		Không áp dụng	
8	Phí gửi sao kê				
	- Sao kê 03 kỳ gần nhất	Không áp dụng		Miễn phí	
	- Ngoài thời hạn trên	Không áp dụng		3,000/trang, tối thiểu 10,000/lần	
9	Phí cấp bản sao chứng từ giao dịch				
	- Tại đại lý (ĐVCNT) của Eximbank	10,000/hóa đơn		90,000/hóa đơn	
	- Tại đại lý khác	50,000/hóa đơn			
10	Phí xác nhận sử dụng thẻ và số dư thẻ				
		Không áp dụng		100,000/lần/thẻ	
11	Phí chuyển đổi tiền tệ (****)				
		Không áp dụng	2.95%/ số tiền giao dịch – Tối thiểu 10.000 VNĐ/ giao dịch		

STT	Loại phí	Mức phí (VNĐ)			
		Thẻ ghi nợ nội địa (VTOP)	Mastercard Business Debit	Visa Platinum Debit	Các thẻ còn lại
12	Phí xử lý giao dịch bằng VND tại ĐVCNT của Ngân hàng thanh toán có mã quốc gia khác Việt Nam (****)	Không áp dụng	1.2%/ số tiền giao dịch – Tối thiểu 10.000 VNĐ/ giao dịch		
13	Phí đặt hàng, dịch vụ qua thư, fax, Internet	Không áp dụng	Miễn phí		
14	Lãi suất dư có	Theo lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Eximbank theo từng thời điểm			
15	Phí thanh toán hóa đơn dịch vụ				
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng cùng hệ thống Eximbank	Miễn phí			
	- Tài khoản đơn vị thụ hưởng ngoài hệ thống Eximbank	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với KHCN – Giao dịch tài khoản đồng Việt Nam	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với KHDN – Giao dịch tài khoản đồng Việt Nam	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với KHCN – Giao dịch tài khoản đồng Việt Nam	
16	Phí quản lý tài khoản (**)	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với KHCN	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với KHDN	Áp dụng Biểu phí dịch vụ đối với KHCN	

## II. Thẻ tín dụng quốc tế:

STT	Loại phí	Mức phí (VNĐ)									
		Hạng Chuẩn/ Vàng (***)			Hạng Platinum			Hạng World/ Signature/Ultimate			
		Visa Gold/ MasterCard Gold	JCB Young Credit	Visa Business/ Visa Violet/ Thẻ còn lại	JCB Platinum Cash Back	Visa Platinum	Visa Platinum Cash Back	Mastercard Business World	One World Mastercard	Priority Visa Signature	JCB Ultimate
1	Phí phát hành Thẻ										
	- Phí phát hành thường	Miễn phí			Miễn phí	- Miễn phí - Sản phẩm Visa Platinum ngưng phát hành mới			Miễn phí		Miễn phí
	- Phí phát hành nhanh	150,000			150,000				Miễn phí		150,000
2	Phí thường niên	200,000	Miễn phí	400,000	1,200,000	900,000		800,000	2,000,000		
3	Phí cấp lại Thẻ										
3.1	Phí cấp lại Thẻ thông thường										
	- Phí cấp lại thẻ theo yêu cầu KH (trừ trường hợp cấp lại do thất lạc, mất cấp)	100,000/lần/Thẻ			200,000/lần/Thẻ						
	- Phí cấp lại thẻ (do thất lạc, mất cấp)	200,000/lần/Thẻ									
3.2	Phí cấp lại thẻ nhanh	Áp dụng theo mức phí phát hành nhanh tương ứng với từng loại thẻ									
4	Phí cấp lại PIN/ Epin	Miễn phí									

STT	Loại phí	Mức phí (VNĐ)									
		Hạng Chuẩn/ Vàng (***)			Hạng Platinum			Hạng World/ Signature/Ultimate			
		Visa Gold/ MasterCard Gold	JCB Young Credit	Visa Business/ Visa Violet/ Thẻ còn lại	JCB Platinum Cash Back	Visa Platinum	Visa Platinum Cash Back	Mastercard Business World	One World Mastercard	Priority Visa Signature	JCB Ultimate
5	Phí khiếu nại (nếu chủ thẻ sai)	80,000/giao dịch									
6	Phí gửi/cấp lại sao kê										
	- Định kỳ	Miễn phí									
	- Cấp lại sao kê của 3 kỳ gần nhất	Miễn phí									
	- Ngoài thời hạn trên	3,000/ trang, tối thiểu 10,000/ lần							Miễn phí	3,000/ trang, tối thiểu 10,000/ lần	
7	Phí cấp bản sao chứng từ giao dịch										
	-Tại ĐVCNT của Eximbank	20,000/hóa đơn									
	- Tại đại lý khác	80,000/hóa đơn									
8	Phí dịch vụ SMS Alert	33,000 VNĐ/1 quý/1 thẻ/1 số thuê bao									
9	Phí rút tiền mặt tại ATM										
	- Phí rút tiền mặt tại ATM Eximbank	Miễn phí									

STT	Loại phí	Mức phí (VND)									
		Hạng Chuẩn/ Vàng (***)			Hạng Platinum			Hạng World/ Signature/Ultimate			
		Visa Gold/ MasterCard Gold	JCB Young Credit	Visa Business/ Visa Violet/ Thẻ còn lại	JCB Platinum Cash Back	Visa Platinum	Visa Platinum Cash Back	Mastercard Business World	One World Mastercard	PriorityVisa Signature	JCB Ultimate
	- Phí rút tiền mặt tại ATM ngoài hệ thống Eximbank	4%/Số tiền giao dịch, tối thiểu 100,000/giao dịch									
10	Phí xác nhận sử dụng thẻ/ xác nhận hạn mức tín dụng	80,000 /lần									
11	Phí chậm thanh toán	5%/ Số tiền thanh toán tối thiểu chưa thanh toán (tối thiểu 100,000/ lần)									
12	Phí sử dụng vượt hạn mức	15%/năm/Số tiền vượt hạn mức									
13	Phí thay đổi hạn mức tín dụng	80,000/lần									
14	Phí chuyển đổi tiền tệ (****)	2.95%/số tiền giao dịch – Tối thiểu 10.000/giao dịch									
15	Phí xử lý giao dịch bằng VND tại ĐVCNT của Ngân hàng thanh toán có mã quốc gia khác Việt Nam (****)	1.2%/số tiền giao dịch – Tối thiểu 10.000/giao dịch									
16	Phí đặt hàng, dịch vụ qua thư, fax, Internet	Miễn phí									

STT	Loại phí	Mức phí (VNĐ)									
		Hạng Chuẩn/ Vàng (***)			Hạng Platinum			Hạng World/ Signature/Ultimate			
		Visa Gold/ MasterCard Gold	JCB Young Credit	Visa Business/ Visa Violet/ Thẻ còn lại	JCB Platinum Cash Back	Visa Platinum	Visa Platinum Cash Back	Mastercard Business World	One World Mastercard	Priority Visa Signature	JCB Ultimate
17	Phí chuyển đổi hình thức đảm bảo	50,000/ lần									
18	Phí thanh toán hóa đơn dịch vụ	Miễn phí									
19	Lãi suất										
	- Lãi suất thông thường	33%/năm									
	- Lãi suất xử lý nợ	Theo quy định của Eximbank trong từng thời kỳ nhưng không vượt quá 150% Lãi suất thông thường.									
20	Phí chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng trong vòng 12 tháng kể từ tháng phát hành thẻ (****)	200,000/Thẻ							300,000/ Thẻ		

**Lưu ý:**

- Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, trừ các phí được đánh dấu (\*\*\*\*) không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.
- Eximbank sẽ chuyển đổi tất cả các giao dịch thẻ được thực hiện bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam (VNĐ) theo tỷ giá của Eximbank hoặc Tổ chức Thẻ quốc tế quy định theo từng thời điểm.

- (\*) Phí phát hành thường thẻ CHIP nội địa: Miễn phí đối với khách hàng thuộc Combo Năng động, Sành điệu, Chi lương; Khách hàng được phân hạng thuộc nhóm Loyalty, VIP (nếu có) và Combo Tài khoản Thanh toán tham gia chương trình “Sử dụng Combo, miễn phí chuyển tiền Online” và Combo Casa phân hạng Infinite, Platinum, Gold.
- (\*\*\*) Áp dụng đối với các thẻ ghi nợ quốc tế (hiệu lực từ năm 2020) được kết nối vào tài khoản thanh toán không kỳ hạn.
- (\*\*\*) Thẻ tín dụng hạng Chuẩn/ Vàng bao gồm các sản phẩm thẻ sau đây:
  - Các sản phẩm đang triển khai: Visa Gold, Mastercard Gold, Young Credit, Visa Business, Visa Violet và JCB Young;
  - Các sản phẩm đã ngừng phát hành mới/cấp lại/gia hạn: Visa/Mastercard chuẩn, JCB vàng, Jetstar JCB, UEFA Champions League Mastercard và Visa Auto Card.
- (\*\*\*\*\*) Phí chấm dứt sử dụng thẻ tín dụng trong vòng 12 tháng kể từ tháng phát hành thẻ áp dụng đối với trường hợp KH đề nghị chấm dứt sử dụng Thẻ (bao gồm Thẻ mở mới/cấp lại/gia hạn) trong vòng 12 tháng kể từ tháng phát hành Thẻ ban đầu.